

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ
Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒ ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Y học; Chuyên ngành: Y học hình ảnh

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: NGUYỄN THÁI BÌNH
2. Ngày tháng năm sinh: 21/02/1983 ; Nam ☒ ; Nữ ☐ ; Quốc tịch: Việt Nam;
Dân tộc: Kinh ; Tôn giáo: Không
3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒
4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Đại Hưng, Mỹ Đức, Hà Nội
5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố):
17 Đặng Trần Côn, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Hà Nội
6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): TS. Nguyễn Thái Bình, số nhà
22 khu B4, ngõ 195, phố Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại nhà riêng:; Điện thoại di động: 0988508598
E-mail: nguyenthaibinh@hmu.edu.vn
7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):
 - Từ 2011 – 2014: Bác sĩ- Khoa Chẩn đoán hình ảnh - BV Đại học Y Hà Nội
 - Từ 10/2014 – 6/2021:
Giảng viên - Bộ môn Chẩn đoán hình ảnh – Trường Đại học Y Hà Nội
Bác sĩ – Trung tâm Chẩn đoán hình ảnh và Can thiệp điện quang - BV Đại học Y Hà Nội
 - Từ 6/2021 đến 12/2023:
Giảng viên - Bộ môn Chẩn đoán hình ảnh – Trường Đại học Y Hà Nội
Bác sĩ – Trung tâm Chẩn đoán hình ảnh và Can thiệp điện quang - BV Đại học Y Hà Nội
Phó trưởng đơn vị Đột quy - thuộc khoa Cấp cứu và Hồi sức tích cực
 - Từ 1/2024 đến 2/2025:
Giảng viên - Bộ môn Chẩn đoán hình ảnh – Trường Đại học Y Hà Nội
Bác sĩ – Trung tâm Chẩn đoán hình ảnh và Can thiệp điện quang - BV Đại học Y Hà Nội
Phó trưởng đơn vị Đột quy - thuộc khoa Cấp cứu và Hồi sức tích cực

PGĐ Trung tâm Y khoa số 1 Tôn Thất Tùng – BV Đại học Y Hà Nội

- Từ 2/2025 đến nay:

Giảng viên - Bộ môn Chẩn đoán hình ảnh – Trường Đại học Y Hà Nội

Phó trưởng đơn vị Đột quy - thuộc khoa Cấp cứu và Hồi sức tích cực

Trưởng khoa Chẩn đoán hình ảnh, thuộc Trung tâm Chẩn đoán hình ảnh và Can thiệp điện quang, BV Đại học Y Hà Nội

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Y Hà Nội

Địa chỉ cơ quan: Số 1 Tôn Thất Tùng, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 024 3852 3798

8. Đã nghỉ hưu: Chưa nghỉ hưu

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng Đại học ngày 01 tháng 08 năm 2007; số văn bằng: A0058172; ngành: Y khoa, chuyên ngành: Bác sĩ đa khoa; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Y Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng Bác sĩ nội trú ngày 03 tháng 02 năm 2012; số văn bằng: C000971; ngành: Y khoa; chuyên ngành: Chẩn đoán hình ảnh; Nơi cấp bằng BSNT (trường, nước): Trường Đại học Y Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng Tiến sĩ ngày 15 tháng 10 năm 2021; số văn bằng: 10361; ngành: Y khoa; chuyên ngành: Điện quang và Y học hạt nhân; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường Đại học Y Hà Nội, Việt Nam.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: Chưa có

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: **Trường ĐH Y Hà Nội.**

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: **Y học.**

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Hướng nghiên cứu 1: Nghiên cứu phát triển và áp dụng các kỹ thuật can thiệp tối thiểu dưới hướng dẫn của hình ảnh để điều trị bệnh lý mạch máu, gan mật, ung bướu và một số bệnh lý khác.

Hướng nghiên cứu 2: Nghiên cứu áp dụng các kỹ thuật Chẩn đoán hình ảnh trong chẩn đoán các bệnh mạch máu, gan mật, ung bướu và một số bệnh lý khác.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn 05 HVCH/ BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/ BSNT

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng: 07 (04 đề tài cấp cơ sở, 02 cấp Bộ, 01 đề tài cấp Tỉnh).

- Đã công bố (số lượng) 52 bài báo khoa học, trong đó 15 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;

- Số lượng sách đã xuất bản 02, trong đó 02 sách thuộc nhà xuất bản có uy tín.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

Danh hiệu thi đua:

Năm	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định

Bảng khen:

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định
2021	Bảng khen của Chủ tịch UBND tỉnh Hà Giang	QĐ số: 2456 /KT ngày 19/11/2021: Đã có thành tích xuất sắc trong thực hiện chương trình hợp tác chuyển giao kỹ thuật giữa Bệnh viện Đại học Y Hà Nội và Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Giang năm 2020-2021
2023	Giải thưởng báo cáo viên xuất sắc nhất tại Hội nghị can thiệp tim mạch và điện quang Châu Á Thái Bình Dương	Best Presenter Award trao tặng bởi Hội Can thiệp tim mạch và điện quang Châu Á – Thái Bình Dương (Asia Pacific Society of Cardiovascular and Interventional Radiology) tại Seoul, Hàn Quốc (12-15/04/2023)

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

1.1. Tiêu chuẩn của nhà giáo:

Tôi tự đánh giá có đủ tiêu chuẩn của nhà giáo quy định tại điều 70 của Luật Giáo dục, cụ thể:

- Đã được đào tạo đạt trình độ chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ:
- + Có bằng tiến sĩ chuyên ngành Chẩn đoán hình ảnh và chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm.
- + Có khả năng giao tiếp, nghiên cứu bằng tiếng Anh.
- Là giảng viên Bộ môn Chẩn đoán hình ảnh- trường Đại học Y Hà Nội, tôi luôn hoàn thành trách nhiệm với sinh viên, nhà trường nơi mình đang tham gia giảng dạy.
- Có đủ phẩm chất, uy tín, danh dự của một giảng viên đại học.
- Trung thực, khách quan và hợp tác với đồng nghiệp trong hoạt động giáo dục, nghiên cứu khoa học và công nghệ.

1.2. Nhiệm vụ của nhà giáo:

Tôi tự đánh giá đã thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao của nhà giáo:

- Là một giảng viên Bộ môn Chẩn đoán hình ảnh- trường Đại học Y Hà Nội, tôi luôn thực hiện đầy đủ và nghiêm túc công tác giáo dục đại học và sau đại học, đảm bảo hoàn thành giảng dạy tốt nội dung và thời lượng chương trình, tham gia đầy đủ các công tác ra đề thi, trông thi, chấm thi, hướng dẫn học viên sau đại học thực hiện đề tài, tham gia hội đồng chấm luận văn Thạc sĩ theo sự phân công của Bộ môn và Nhà trường.

- Tham gia tích cực vào xây dựng chương trình đổi mới giáo dục đại học, cụ thể tham gia xây dựng Chương trình đào tạo bác sĩ y khoa dựa trên năng lực và Chương trình đào tạo ngành kỹ thuật hình ảnh y học và các chương trình đào tạo sau đại học chuyên ngành Chẩn đoán hình ảnh của trường Đại học Y Hà Nội.

- Tích cực tham gia nghiên cứu khoa học, công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí khoa học trong và ngoài nước, tham gia các hội nghị, hội thảo.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Tích cực tham gia các chương trình chuyển giao công nghệ y tế cho các tuyến trong cả nước theo Đề án bệnh viện vệ tinh của bệnh viện Đại học Y Hà Nội, thông qua đó đào tạo nhân lực cho ngành y tế.

- Tích cực tham gia vào công tác đào tạo, hỗ trợ cán bộ giảng viên đồng nghiệp trẻ, để tạo nguồn cán bộ giảng dạy kế tiếp có chất lượng chuyên môn cao, có đạo đức ngành y.

- Thực hiện tốt vai trò của giảng viên bộ môn Chẩn đoán hình ảnh, kiêm nhiệm Trưởng khoa Chẩn đoán hình ảnh (thuộc Trung tâm Chẩn đoán hình ảnh và Can thiệp điện quang), kiêm nhiệm phó trưởng đơn vị Đột quy (thuộc khoa Cấp cứu và Hồi sức tích cực), Bệnh viện ĐH Y Hà Nội: hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, kết hợp được tốt nhiệm vụ quản lý vào hỗ trợ công tác đào tạo như giảng dạy lâm sàng, hướng dẫn các học viên của bộ môn tại bệnh viện, phân công công việc chuyên môn, nghiên cứu cho các bác sĩ trong đơn vị.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 10 năm 8 tháng

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2019-2020			0		402,0	254,7	656,7 / 656,7 / 280
2	2020-2021			0		359,0	186,0	545,0 / 545,0 / 280
3	2021-2022					320,4	171,8	492,2 / 492,2 / 270
03 năm học cuối								
4	2022-2023			03		33,0	286,4	319,4 / 469,4 / 270
5	2023-2024			02		33,0	256,1	289,1 / 359,1 / 270
6	2024-2025			0		33,0	330,4	363,4 / 363,4 / 270

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

- a) Được đào tạo ở nước ngoài: Không
b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: Có
c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: Không
d) Đối tượng khác: Không

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): bằng Cử nhân ngày 09 tháng 11 năm 2023, số văn bằng: DT/CN/09289, ngành Ngôn ngữ Anh; Nơi cấp bằng Cử nhân: Đại học Thái Nguyên

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

STT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Trúc Linh		BSNT K46	✓		15/02/2023 đến 01/11/2024	Trường ĐHY Hà Nội	Bằng thạc sĩ cấp ngày 28/12/2023 Bằng BSNT cấp ngày 01/11/2024
2	Nguyễn Thị Hương		BSNT K46	✓		15/02/2023 đến 01/11/2024	Trường ĐHY Hà Nội	Bằng thạc sĩ cấp ngày 28/12/2023 Bằng BSNT cấp ngày 01/11/2024
3	Quách Lương Thiện		CH K30	✓		01/2023 đến 12/2023	Trường ĐHY Hà Nội	Bằng thạc sĩ cấp ngày 29/12/2023
4	Phạm Văn Phương		CH K31	✓		06/02/2024 đến 14/01/2025	Trường ĐHY Hà Nội	Bằng thạc sĩ cấp ngày 27/02/2025
5	Nguyễn Hải Sơn		CH K31		✓	06/02/2024 đến 14/01/2025	Trường ĐHY Hà Nội	Bằng thạc sĩ cấp ngày 27/02/2025

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phản biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Sau khi được công nhận Tiến sĩ							
1	Chẩn đoán hình ảnh cơ bản	Giáo trình	Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam, 2024	21	PGS.TS.BS Vũ Đăng Lưu	Biên soạn (Phần 5, bài 39 trang 867 - 880)	4667/QĐ-ĐHYHN ngày 10/10/2023 ISBN: 978-604-0-42922-3
2	Chấn thương, vết thương mạch máu	Giáo trình	Nhà xuất bản Y học, 2024	30	GS.TS.BS Đoàn Quốc Hưng	Biên soạn (Bài 3, chương 1 trang 42 - 53)	1176/QĐ-ĐHYHN ngày 22/04/2024 ISBN: 978-604-66-6721-6

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
Trước khi được công nhận Tiến sĩ					
1	Xác định giá trị của cộng hưởng từ có tiêm thuốc đối quang vào ổ khớp trong chẩn đoán bệnh lý phần mềm khớp vai	Chủ nhiệm	Cấp cơ sở	2014-2015	23/03/2018, Xếp loại: Khá
2	Giá trị của các phương pháp chẩn đoán và xây dựng quy trình chẩn đoán u tuyến giáp	Thành viên	Cấp Bộ	2014-2016	30/11/2016, Xếp loại: Khá
3	Xây dựng quy trình kỹ thuật và đánh giá giá trị của siêu âm, cộng hưởng từ trong chẩn đoán một số tổn thương khớp vai thường gặp	Thành viên	Cấp Bộ	2019-2021	08/04/2022, Xếp loại: Đạt
Sau khi được công nhận Tiến sĩ					
4	Nghiên cứu, ứng dụng kỹ thuật điều trị tán sỏi đường mật qua da bằng laser tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Lạng Sơn	Thành viên	Cấp tỉnh	2021-2023	15/08/2023, Xếp loại: Xuất sắc
5	Đánh giá kết quả sớm của phương pháp can thiệp tán sỏi đường mật qua da bằng laser tại Bệnh viện Đại học Y Hà Nội	Thành viên	Cấp cơ sở	2018-2019	16/05/2024, Xếp loại: Đạt
6	Nghiên cứu phương pháp điều trị hẹp đường mật lạnh tính bằng laser bốc hơi Thulium	Chủ nhiệm	Cấp cơ sở	2024-2025	số 3306/QĐ-ĐHYHN ngày 20/06/2025 Xếp loại: Xuất sắc
7	Nghiên cứu kỹ thuật sinh thiết nội đường mật qua da ở bệnh nhân nghi ngờ ung thư đường mật chính	Chủ nhiệm	Cấp cơ sở	2024-2025	số 3307/QĐ-ĐHYHN ngày 20/06/2025 Xếp loại: Xuất sắc

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo khoa học	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí, kỷ yếu khoa học/ISSN/ISBN	Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
Hướng nghiên cứu 1: Nghiên cứu phát triển và áp dụng các kỹ thuật can thiệp tối thiểu dưới hướng dẫn của hình ảnh để điều trị bệnh lý mạch máu, gan mật, ung bướu và một số bệnh lý khác								
Trước khi bảo vệ luận án Tiến sĩ								
Các bài báo đăng trên tạp chí quốc tế								
1	Endovascular treatment of ruptured blister-like aneurysms: A case report and review of the literature 10.1016/j.radcr.2021.09.018	5	✓	Radiology Case Reports ISSN: 1930-0433	Scopus CiteScore (2023) 1.1 IF: 0.834 Q4	1	Volume 16, Issue 12, P 3790-3793	2021
2	A case report of pericallosal aneurysm successfully treated with flow diverter stents 10.1016/j.radcr.2021.05.063	8		Radiology Case Reports ISSN: 1930-0433	Scopus CiteScore (2023) 1.1 IF: 0.834 Q4		Volume 16, Issue 9, P 2447-2449	2021
3	Use of Mini-Percutaneous Nephrolithotomy Technique to Remove Extra-Peritoneal Foreign Bodies 10.12659/AJCR.929731	8	✓	American Journal of Case Reports ISSN: 1941-5923	Scopus, ISI, ESCI, CiteScore: 1.800 IF: 1.0 Q3	1	22: e929731	2021

4	Flow diverter stent for treatment of cerebral aneurysms: A report of 130 patients with 134 aneurysms 10.1016/j.heliyon.2020.e03356	11	✓	Heliyon ISSN: 2405-8440	Scopus, ISI, SCIE, CiteScore: 4.5 IF: 3.918 Q1	12	Vol: 6, Issue: 2, Page: e03356	2020
Các bài báo đăng trên tạp chí trong nước								
5	Đánh giá kết quả điều trị đau của phương pháp gây tê hoàn cơ dựng g i d ới hướng d n của s êu âm ở ệnh n ân t n sỏi mật qua da	4		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN:1859-1868			Tập 494 tháng 9 số 2/2020 (143-146)	2020
6	Kết quả điều trị sau can thiệp đặt stent F E D đi u tr ãnh động mạch c nh tro g phứ tạp	4	✓	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN:1859-1868			Tập 493 tháng 8 số 2/2020 (97-102)	2020
7	Đánh giá kết quả nút mạch điều trị đái máu sau tán sỏi thận qua da đường hầm nhỏ tại Bệnh viện Đại học Y Hà Nội	6		Tạp chí y học thực hành ISSN: 1859-1663			Tập 1129 số 3/2020 (90-93)	2020
8	Đánh giá kết quả điều trị dị dạng động tĩnh mạch não vỡ bằng phôi hợp hai phương pháp: nút mạch và phẫu thuật	7		Tạp chí y học thực hành ISSN: 1859-1663			Tập 1100 – số 6/2019 (54-56)	2019
9	Kết quả bước đầu điều trị suy tĩnh mạch nông chi dưới tại khoa chẩn đoán hình ảnh	6		Tạp chí điện quang Việt Nam ISSN:1859-4832			Số 27 03/2017 (18-23)	2017

	Bệnh viện Đại học Y Hà Nội https://doi.org/10.55046/vjrm.27.48.2017							
10	Điều trị giả phình động mạch thắt lưng sau chấn thương bằng phương pháp can thiệp nội mạch https://doi.org/10.55046/vjrm.11.300.2013	5		Tạp chí điện quang Việt Nam ISSN:1859-4832			Số 11 04/2013 (481-484)	2013
Sau khi bảo vệ luận án Tiến sĩ								
Các bài báo đăng trên tạp chí quốc tế								
11	Safety, efficacy, and feasibility of percutaneous transhepatic endoscopic holmium laser lithotripsy for bile duct stones https://doi.org/10.1007/s00330-024-10811-7	4	✓	European Radiology ISSN: 09387994, 14321084	Scopus CiteScore (2024) 10.7 IF: 4.7 Q1	3	Volume 34, pages 7176–7184, (2024)	2024
12	Percutaneous transhepatic bilioenteric neoanastomosis: A novel approach for managing bile duct injuries following choledochal cyst resection in patients with anatomical variations of the biliary tree: A case study https://doi.org/10.1016/j.radcr.2023.11.063	4		Radiology Case Reports ISSN: 1930-0433	Scopus CiteScore (2023) 1.1 IF: 0.834 Q4		Volume 19, Issue 3, Pages 867-871	2024
13	Preoperative embolization of	6	✓	Journal of Clinical	Scopus IF: 1.1	5	12(21)	2022

	hypervascular spinal tumors: Two case reports 10.25259/JCIS_20_2022			Imaging Science ISSN: 2156-7514	Q3			
14	Percutaneous transhepatic holmium laser lithotripsy for cholelithiasis and balloon dilation for common bile duct stone removal https://doi.org/10.1016/j.radcr.2022.04.029	4	✓	Radiology Case Reports ISSN: 1930-0433	Scopus CiteScore (2023) 1.1 IF: 0.834 Q4		Volume 17, Issue 7, Pages 2506-2509	2022
15	Percutaneous Transhepatic Cholecystolithoto my by Holmium Laser for Non- high-Risk Patients with Symptomatic Gallbladder Stones 10.5455/medarh.2022.76.29-33	6	✓	Medical Archives ISSN: 1986- 5961	Scopus CiteScore 2023 2.1 Q3	3	76(1): 29- 33	2022
16	Percutaneous embolization of hepatic lymphorrhea post-hepatectomy https://doi.org/10.1016/j.radcr.2021.11.070	8		Radiology Case Reports ISSN: 1930-0433	Scopus CiteScore (2023) 1.1 IF: 0.834 Q4	3	Volume 17, Issue 3, Pages 549-552	2022
17	Percutaneous Transhepatic Holmium Laser Lithotripsy for Giant Biliary Stones 10.25259/JCIS_17_9_2021	4	✓	Journal of Clinical Imaging Science eISSN 2156-5597	Scopus IF: 1.1 Q3	3	2021:11;5 5	2021
Các bài báo đăng trên tạp chí trong nước								
18	Kết quả bước đầu can thiệp qua da xuyên gan điều trị hẹp đường mật	3	✓	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN:1859-			Tập 551 - tháng 6 – số 3 - 2025 (62-67)	2025

	lãnh tính bằng laser bốc hơi Thulium tại Bệnh viện Đại học Y Hà Nội			1868				
19	Đặc điểm lâm sàng và hình ảnh của lạc nội mạc tử cung thành bụng của bệnh nhân được điều trị bằng sóng cao tần tại Bệnh viện Đại học Y Hà Nội https://doi.org/10.51298/vmj.v550i3.14356	2	✓	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN:1859-1868			Tập 550 - tháng 5 – số 3 - 2025 (170-175)	2025
20	Kết quả điều trị rò động tĩnh mạch màng cứng vùng xoang hang tại bệnh viện Đại học Y Hà Nội https://doi.org/10.51298/vmj.v548i3.13724	2	✓	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN:1859-1868			Tập 548 tháng 3 – số 3 – 2025 (367-370)	2025
21	Kết quả định vị kim dây dưới hướng dẫn X quang vú trong phẫu thuật tổn thương vú nghi ngờ ác tính https://doi.org/10.51298/vmj.v545i1.12106	5	✓	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN:1859-1868			Tập 545 - tháng 12 – số 1 - 2024 (9-13)	2024
22	Đánh giá kết quả của kỹ thuật can thiệp động mạch tạng qua đường động mạch quay tại Bệnh viện Đại học Y Hà Nội https://doi.org/10.51298/vmj.v544i1.11687	2	✓	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN:1859-1868			Tập 544 - Tháng 11 – số 1 - 2024 (18-23)	2024
23	Kết quả can thiệp nút dị dạng thông động tĩnh mạch thận bẩm sinh tại	3	✓	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN:1859-1868			Tập 543 - tháng 10 – số 3 - 2024 (35-38)	2024

	Bệnh viện Đại học Y Hà Nội https://doi.org/10.51298/vmj.v543i3.11511						
24	Đặc điểm hình ảnh và điều trị dị vật xâm nhập qua đường tiêu hoá, dưới cơ hoành tại Bệnh viện Đại học Y Hà Nội https://doi.org/10.51298/vmj.v543i3.11526	2	✓	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN:1859-1868		Tập 543 - tháng 10 – số 3 - 2024 (92-96)	2024
25	Kết quả tán sỏi đường mật xuyên gan qua da điều trị sỏi đường mật chính tại bệnh viện Bãi Cháy từ 2021 đến 2023 https://doi.org/10.51298/vmj.v541i1.10652	2	✓	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN:1859-1868		Tập 541 - Tháng 8 – số 1 - 2024 (193-198)	2024
26	Đặc điểm chảy máu đường mật và can thiệp điều trị tại Bệnh viện Đại học Y Hà Nội https://doi.org/10.51298/vmj.v541i1.10599	2	✓	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN:1859-1868		Tập 541 - Tháng 8 – số 1 - 2024 (1-5)	2024
27	Ứng dụng nút mạch hoá chất ung thư biểu mô tế bào gan bằng vi ống thông đầu gắn bóng nhân ca lâm sàng đầu tiên tại Việt Nam và tổng quan tài liệu https://doi.org/10.51298/vmj.v525i1A.4982	3	✓	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN:1859-1868		Tập 525 tháng 4 số 1A – 2023 (234-238)	2023
28	Can thiệp qua da loại bỏ xương cá trong ổ áp xe gan: báo cáo ca lâm sàng	4		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN:1859-1868		Tập 515 - tháng 6 – số 1 - 2022 (128-130)	2022

	https://doi.org/10.51298/vmj.v5i1.2690							
Hướng nghiên cứu 2: Nghiên cứu áp dụng các kỹ thuật Chẩn đoán hình ảnh trong chẩn đoán các bệnh mạch máu, gan mật, ung bướu và một số bệnh lý khác								
Trước khi bảo vệ luận án Tiến sĩ								
Các bài báo đăng trên tạp chí quốc tế								
29	Diagnosis and treatment of hemosuccus pancreaticus induced by intraductal papillary mucinous neoplasm: a case report and review of the literature 10.1016/j.radcr.2021.07.051	7		Radiology Case Reports ISSN: 1930-0433	Scopus CiteScore (2023) 1.1 IF: 0.834 Q4	4	Volume 16, Issue 10, P 3099-3103	2021
Các bài báo đăng trên tạp chí trong nước								
30	Nghiên cứu áp dụng chọc hút bằng kim nhỏ dưới hướng dẫn siêu âm trong chẩn đoán một số tổn thương khu trú ở tụy https://doi.org/10.51298/vmj.v507i1.1331	5		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN:1859-1868			Tập 507 Số 1 tháng 10/2021 (99-101)	2021
31	Đánh giá kết quả sinh thiết mạc nối lớn dưới hướng dẫn của siêu âm tại Bệnh viện Đại học Y Hà Nội	5		Tạp chí Y dược học ISSN: 2734-9209			Số 11 tháng 12/2020 (139-143)	2020
32	Giải phẫu đường mật nhân tụy trên phi công hườn từ ổ bệnh nhân có sỏi ống mật chủ	6		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN:1859			Tập 483 Số 1 tháng 10 2019 (183-186)	2019
33	Kích thước đường	6		Tạp chí Y học			Tập 482	2019

	ng mật t ong g n trê ph m cộn hườ g từ ở bệnh nhâ có ỏi ng mật chủ			Việt Nam ISSN:1859			Số 2 tháng 9//2019 (259-262)	
34	Đặc điểm hình ảnh phình động mạch cảnh trong phức tạp và kết quả ban đầu của phương pháp can thiệp đặt stent FRED	4	✓	Tạ p chí y họ c thự c hà nh ISSN: 1859- 1663			Tập 1103 Số 7/2019 (14-18)	2019
35	Hội chứng Pierre Robin nhân một trường hợp https://doi.org/10.55046/vjrm.11.297.2013	2	✓	Tạp chí điện quang Việt Nam ISSN:1859- 4832			Số 11 04/2013 (462-468)	2013
Sau khi bảo vệ luận án Tiến sĩ								
Các bài báo đăng trên tạp chí quốc tế								
36	Assessing the Feasibility and Diagnostic Value of Percutaneous Transhepatic Cholangioscopy Biopsy for Biliary Strictures https://doi.org/10.1007/s00270-024-03954-z	4	✓	Cardio Vascular and Interventional Radiology ISSN: 01741551, 1432086X	Scopus CiteScore (2024) 5.5 IF: 2.8 Q2		Volume 48, pages 364–371, (2025)	2025
37	Assesement of Radiological Anatomy of Prostatic Artery on 3D DECT in Symptomatic Benign Prostatic Hypertrophy 10.5455/aim.2024.32.107-111	7	✓	Acta Informatica Medica ISSN: 03538109, 19865988	Scopus: Q3 IF: 1.5 CiteScore 20243.0		32(2):107– 111	2024
38	Sporadic Creutzfeldt-Jakob	6		Radiology Case Reports	Scopus CiteScore		Volume 19, Issue	2024

	disease: Brain MRI lesion features from 2 cases reports https://doi.org/10.1016/j.radcr.2023.11.082			ISSN: 1930-0433	(2023) 1.1 IF: 0.834 Q4		3, March 2024, Pages 939-943	
Các bài báo đăng trên tạp chí trong nước								
39	Đặc điểm hình ảnh khớp háng của bệnh nhân sinh thiết màng hoạt dịch dưới hướng dẫn siêu âm https://doi.org/10.51298/vmj.v550i2.14271	2	✓	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN:1859			Tập 550 - tháng 5 – số 2 - 2025 (327-331)	2025
40	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và hình ảnh của người bệnh chấn thương tủy được điều trị tại bệnh viện Hữu nghị Việt Đức giai đoạn 2017 - 2022 https://doi.org/10.51298/vmj.v550i2.14178	2	✓	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN:1859-1868			Tập 550 - tháng 5 – số 2 - 2025 (33-37)	2025
41	Đặc điểm lâm sàng và hình ảnh ung thư thận của bệnh nhân được sinh thiết dưới hướng dẫn cắt lớp vi tính https://doi.org/10.51298/vmj.v550i1.14051	2	✓	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN:1859-1868			Tập 550 - tháng 5 – số 1 - 2025 (65-69)	2025
42	Đánh giá kết quả sinh thiết màng hoạt dịch khớp háng dưới hướng dẫn siêu âm https://doi.org/10.51298/vmj.v549i3.13940	2	✓	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN:1859-1868			Tập 549 – tháng 4 – số 3 - 2025 (91-95)	2025
43	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng	2	✓	Tạp chí Y học Việt Nam			Tập 549 – tháng 4 –	2025

	và hình ảnh chụp mạch số hoá xoá nền của bệnh nhân chữa vết mổ https://doi.org/10.51298/vmj.v549i3.13962			ISSN:1859-1868			số 3 - 2025 (168-172)	
44	Giá trị và tính an toàn của sinh thiết cắt lớp vi tính trong chẩn đoán u thận https://doi.org/10.51298/vmj.v548i3.13695	2	✓	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN:1859-1868			Tập 548 tháng 3 – số 3 – 2025 (250-253)	2025
45	Đặc điểm lâm sàng, siêu âm và giải phẫu bệnh của các bệnh nhân có tổn thương vú được can thiệp sinh thiết bằng máy có hỗ trợ hút áp lực âm dưới siêu âm https://doi.org/10.51298/vmj.v549i2.13787	2	✓	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN:1859-1868			Tập 549 – tháng 4 – số 2 - 2025 (164-168)	2025
46	Đặc điểm lâm sàng và hình ảnh bướu giáp thông trung thất https://doi.org/10.51298/vmj.v549i2.13760	2	✓	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN:1859-1868			Tập 549 – tháng 4 – số 2 - 2025 (74-78)	2025
47	Đặc điểm hình ảnh u nhầy ruột thừa trên cắt lớp vi tính https://doi.org/10.51298/vmj.v549i1.13505	2	✓	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN:1859-1868			Tập 549 tháng 4 – số 1 – 2025 (27-31)	2025
48	Đặc điểm hình ảnh và giá trị của cộng hưởng từ trong chẩn đoán sỏi mật ở bệnh nhân tán sỏi qua da tại Bệnh viện Đại học Y Hà Nội https://doi.org/10.51298/vmj.v544i2.11837	3	✓	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN:1859-1868			Tập 544 - tháng 11 – số 2 - 2024 (151-156)	2024

49	Đặc điểm tổn thương vú không tạo khối trên siêu âm https://doi.org/10.51298/vmj.v543i1.11292	2	✓	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN:1859-1868			Tập 543 - tháng 10 – số 1 - 2024 (61-65)	2024
50	Đánh giá tương quan giữa hẹp đường mật và tỷ lệ tái phát sỏi ở bệnh nhân sau tán sỏi đường mật trong và ngoài gan qua da bằng laser https://doi.org/10.51298/vmj.v533i2.7951	3		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN:1859-1868			Tập 533 tháng 12 Số 2-2023 (203-207)	2023
51	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng của bệnh nhân nghi ngờ ung thư đường mật được sinh thiết trong lòng đường mật qua da tại Bệnh viện Đại học Y Hà Nội https://doi.org/10.51298/vmj.v532i1.B.7503	3		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN:1859-1868			Tập 532 tháng 11 số 1B – 2023 (166-170)	2023
52	Đánh giá giá trị của cộng hưởng từ trong chẩn đoán hẹp đường mật https://doi.org/10.51298/vmj.v521i1.3940	3		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN:1859-1868			Tập 521 tháng 12- số 1/2022 (40-45)	2022

- Trong đó: Các bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau TS: 7 **bài theo số thứ tự: 11, 13, 14, 15, 17, 36, 37**

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
----	------------------------	------------	------------------	---	---	----------------	--------------------

I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Chương trình đào tạo bác sĩ y khoa dựa trên năng lực	Tham gia Module: S2.5	số 3010/QĐ-ĐHYHN. Ký ngày 28/07/2020	Đại học Y Hà Nội	Số 3127/QĐ-ĐHYHN. Ngày 04/08/2020	
2	Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật hình ảnh y học	Tham gia	7329/ QĐ-ĐHYHN. Ký ngày 07/11/2024	Đại học Y Hà Nội	BB số 21/BB-HĐKHĐT. Ngày 21/01/2025 QĐ số 209/QĐ-ĐHYHN. Ngày	

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

					22/01/2025	
3	Chương trình đào tạo trình độ Chuyên khoa cấp I	Tham gia	3496/QĐ-ĐHYHN. Ký ngày 14/09/2022	Đại học Y Hà Nội	QĐ 2187/QĐ-ĐHYHN ngày 19/06/2023	
4	Chương trình đào tạo trình độ Bác sĩ nội trú	Tham gia	3496/QĐ-ĐHYHN. Ký ngày 14/09/2022	Đại học Y Hà Nội	QĐ 2185/QĐ-ĐHYHN ngày 19/06/2023	
5	Chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ	Tham gia	3496/QĐ-ĐHYHN. Ký ngày 14/09/2022	Đại học Y Hà Nội	QĐ 2191/QĐ-ĐHYHN ngày 19/06/2023	

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:
Không

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 26 tháng 06 năm 2025

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thái Bình